TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ – ST
Ngày 21 - 12 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Trương Thị Hương Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2017/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1983; cư trú tại: cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Cao C kết hôn ngày 25 tháng 02 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân; sau khi kết hôn chị và anh C ở riêng. Tình cảm vợ chồng ngay thời gian đầu chỉ hòa thuận, không hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn lớn nhất vào năm 2014, anh C đã đuổi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng với anh C không còn nên chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2006 và cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009, hiện nay hai cháu đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, tuy công việc chị làm nghề tự do nhưng thu nhập khá ổn định đủ đảm bảo để nuôi hai cháu.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Cao C vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng; vợ chồng anh sống ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được tình cảm. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh hoàn toàn đồng ý ly hôn chị H.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị H là đúng; vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2006 và cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009, hiện nay hai cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn để tránh sáo trộn cuộc sống của hai cháu vì hai cháu ở cùng chị H đã lâu nên anh đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, anh không phái cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; anh C chưa chấp hành đúng quy định, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Cao C; giao con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2006 và cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009, cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Cao C và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Cao C hiện đang cư trú tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đến tòa làm việc; sau khi trình bày quan điểm về nội dung vụ án, anh C không ký vào các biên bản làm việc, anh trình bày do gia đình anh là người theo đạo thiên chúa giáo, nên không được phép ký bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc ly hôn với chị H, do vậy, Tòa án đã tiến hành lập biên bản sự việc có sự chứng kiến của kiểm sát viên là người trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng của vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Cao C đều thừa nhận vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống, do luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị H đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, anh chị sống ly thân nhau thời gian đã lâu nên việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Quá trình giải quyết vụ án, anh C thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, không thể hàn gắn được tình cảm nên anh nhất trí ly hôn chị H. Xét, cuộc sống chung giữa chị H và anh C không thể tiếp tục vì anh, chị sống ly đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, điều đó chứng tỏ anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần giải quyết cho chị H và anh C, được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị H và anh C thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2006 và cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu; anh C nhất trí. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị H, anh C là phù hợp và cũng là nguyện vọng của cháu Đ và cháu N nên cần giao cháu Nguyễn Hải Đ, và cháu Nguyễn Hải N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H nhưng có quyền nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở gây khó khăn.

Về tài sản: Chị H và anh C không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo qui định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Cao C.

Về nuôi con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2006 và cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009, cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002381 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

iều 34. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức

1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mục 2. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN CÁC CẤP

Điều 35. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện

1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:

a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;

b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;

c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này;

b) Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này;

c) Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này;

d) Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này.

3. Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Tiến **Lê Thị Bích Thuần** **Trần Thị Lan**